CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Địa chỉ: Số 02 Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Số điện thoại: 0256. 3833077

Website: www.duongsatnghiabinh.vn

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Ký ngày: 13/3/2018 14:35:54

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

19 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

43 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

55 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

65 QUẢN TRỊ CÔNG TY

79 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

"Đoàn kết – Kỷ luật – Cần kiệm – Sáng tạo"

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Tên Tiếng Anh: NGHIA BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY

Mã cổ phiếu: NBR

Vốn điều lệ: 18.060.000.000 đồng

Địa chỉ: Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số điện thoại: 0256. 3822077

Số fax: 0256. 3817371

Email: congtycpdsnghiabinh@gmail.com

Website: www.duongsatnghiabinh.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4100259405 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/01/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 25/10/2017.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình qua 40 năm xây dựng, phát triển và trưởngg thành đã trải qua nhiều lần thay đổi về mặt tổ chức, quản lý, tên gọi. Ở những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau có những khó khăn, thách thức riêng. Song toàn Đảng bộ, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể cùng toàn thể công nhân viên chức, lãnh đạo trong Công ty đã thể hiện lập trường kiên định, vững tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát nhiệm vụ chính trị, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ngành Đường sắt Việt Nam, sự giúp đỡ cuả chính quyền địa phương hai tỉnh Bình Định – Quảng Ngãi và nhân dân dọc hai bên tuyến đường sắt, đã xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, đưa Công ty hòa nhập vào công cuộc đổi mới của đất nước, của Ngành, đóng góp một phần xuất sắc vào thành quả của giai cấp công nhân ngành Đường sắt cả nước trong giai đoạn khôi phục, tái thiết tuyến đường sắt Thống nhất và đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới đưa ngành Đường sắt Việt Nam bước vào thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Qua gần 40 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Công ty có những tên gọi ở từng thời điểm như sau:

Từ sau ngày giải phóng đến tháng 09/1976, Trung tâm Đường sắt Quy Nhơn: Thuộc Đoạn Đường sắt II Bình Định - Bình Thuận.

1976

Ngày 01/10/1976, Khu Đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 1808/TC-NS của Tổng cục Đường sắt.

1979

Ngày 02/02/1979, Đoạn cầu đường Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 106/TC-NS của Tổng cục Đường sắt.

1983

Ngày 30/12/1983, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 908/TC của Tổng cục Đường sắt.

1996

Ngày 30/5/1996, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Đơn vị sự nghiệp kinh tế theo Quyết định 1208/TC của Bộ Giao thông vận tải.

1998

Ngày 17/4/1998, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Xí nghiệp công ích theo Quyết định số 876/TCCB của Bộ Giao thông vận tải.

2003

Ngày 20/3/2003, Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT của Bộ Giao thông vận tải.

2010

Ngày 29/06/2010, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

2015

Ngày 08/01/2015 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách Doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty đường sắt Việt Nam thực hiện cổ phần hóa tại Quyết định số 64/QĐ-BGTVT.

2015

Ngày 30/10/2015, Căn cứ Quyết định số 3895/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thành Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là: 18.060.000.000 đồng (Mười tám tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

2015

Ngày 08/01/2015, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách Doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty đường sắt Việt Nam thực hiện cổ phần hóa tại Quyết định số 64/QĐ-BGTVT.

2015

Ngày 11/12/2015, tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã tổ chức phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình, giá đấu thành công bình quân 10.000 đồng/ cổ phiếu.

2015

Ngày 25/12/2015, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thành lập Công ty cổ phần.

2016

Ngày 08/01/2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 đăng ký thay thay đổi lần thứ 3 ngày 08/01/2016 với vốn điều lệ ban đầu là 18.060.000.000 đồng (Mười tám tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

2016

Ngày 07/04/2016, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng theo công văn số 1690/UBCK-GSĐC ngày 07/4/2016 của ủy Ban chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký Công ty đại chúng.

2016

Ngày 12/05/2016, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 46/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 1.806.000 cổ phiếu.

2016

Ngày 19/08/2016, giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đồng/CP.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trong những năm vừa qua, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đã vinh dự nhận được danh hiệu cao quý như:

- Năm 1985: Huân chương Lao động hạng ba.
- Năm 1991: Huân chương Lao động hạng nhì.
- Năm 1995: Huân chương Lao động hạng nhất.
- Năm 1996: Tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.
- Năm 2001: Huân chương Độc lập hạng ba.
- Năm 2006: Huân chương Độc lập hạng nhì.
- Năm 2011: Huân chương Độc lập hạng nhất.
- Dẫn đầu phong trào Bảo vệ an ninh tổ quốc, Thi đua quyết thắng liên tục;
- Giữ vững Đơn vị văn hoá 2002 – 2011, từ năm 2012 đến 2016 là cơ quan đạt chuẩn văn hóa doanh nghiệp
- Liên tục đạt danh hiệu Đơn vị dẫn đầu thi đua và tiên tiến của Tổng công ty.

Và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tặng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì, xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi và nhà các loại: Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.
- Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:
  - Sản xuất và khai thác đá, cát sỏi, cấu kiện bê tông, thép chuyên ngành, dụng cụ lao động, bảo hộ;
  - Thí nghiệm, kiểm nghiệm, tư vấn.
- Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:
  - Kinh doanh vận tải đường bộ; đại lý vé máy bay, ô tô, tàu hỏa;
  - Đầu tư và kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
  - Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa thể thao.

Địa bàn hoạt động

Công ty hoạt động chủ yếu ở 2 tỉnh: Bình Định và Quảng Ngãi

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ
PHÒNG KỸ THUẬT AN TOÀN
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
ĐỘI CẦU ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
ĐỘI CẦU ĐƯỜNG ĐỨC PHỔ
ĐỘI CẦU ĐƯỜNG BỒNG SƠN
ĐỘI CẦU ĐƯỜNG DIÊU TRÌ
TRUNG TÂM DV & VH THỂ THAO ĐƯỜNG SẮT

Công ty con, công ty liên kết: Không có

Công ty mẹ: **Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam**

- Địa chỉ: 118 đường Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 39425972; Fax: (84-4) 39422866
- Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh:
    - Ngành, nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế; quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ đường thủy, đường hàng không; tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.
    - Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính: Tư vấn, khảo sát thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; dịch vụ viễn thông và tin học; kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt; kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
    - Tỷ lệ góp vốn tại công ty: 9.210.600.000 đồng (tính theo mệnh giá) tương ứng 51%/vốn điều lệ.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phấn đấu hoàn thảnh xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.
- Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây đựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nơi các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- **Mục tiêu đối với môi trường:** Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.
- **Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:** Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng kinh tế thế giới 2017 cao hơn năm 2016, Chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn tiếp tục xu hướng thắt chặt làm cho lãi suất tăng dần, từ đó làm giảm nguồn cung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Cùng với giá hàng hóa thế giới năm 2017 tăng chủ yếu do tăng giá năng lượng và giá kim loại là những yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến các ngành thép và dầu khí được xem là đầu vào của ngành vận tải đường sắt trên Thế giới và Việt Nam.

Theo đó, năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của Việt Nam tăng 6,81% so với năm 2016 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung của nền kinh tế, Lạm phát vẫn được giữ ở mức thấp, tăng 1,41% so với năm 2016 cùng với mặt bằng lãi suất giảm nhẹ là những yếu tố làm tăng giá hàng hóa nước ngoài trong đó có giá thép, và giá năng lượng khi doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu nhập khẩu những hàng hóa này, làm tăng chi phí đầu vào cho ngành xây dựng và vận tải của Việt Nam. Vì vậy, với ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh vận tải đường sắt, xây dựng, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ không thể tránh khỏi tác động của các yếu tố kinh tế thay đổi này.

Tình hình chung ngành đường sắt năm 2017

Năm 2017 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Đó là hạn chế về năng lực nội lực; áp lực cạnh tranh ngày càng tăng với các phương tiện khác, bão lũ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hạ tầng, trong khi đó, vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt năm qua rất hạn hẹp, không có dự án mới triển khai vì vậy chưa có sự đột phá về chất lượng, năng lực kết cấu hạ tầng đường sắt, công việc của các công ty cổ phần xây lắp tiếp tục khó khăn. Tuy nhiên, sau những nỗ lực đổi mới, vận tải đương sắt đã có sự khởi sắc, Sản lượng, doanh thu toàn Tổng công ty bước đầu hồi phục đà tăng trưởng, chặn được đà sụt giảm thị phần vận tải đường sắt, Đã đóng mới, đưa vào vận dụng 6 ram tàu khách thế hệ mới, ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường, chất lượng đảm bảo, Công tác an ninh – an toàn giao thông đường sắt bước đầu kiểm soát được những tiềm ẩn nguy cơ đe dọa an toàn chạy tàu, an toàn giao thông đường sắt giảm cả 3 tiêu chí so với năm 2016.

Rủi ro đặc thù ngành đường sắt

- Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu, do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.
- Bên cạnh đó, để phát triển ngành Đường sắt đòi hỏi phải tốn nhiều chi phí và nguồn vốn lớn như chi phí khấu hao, nguồn vốn tín dụng, vốn ODA (vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nước ngoài) để đầu tư, cải tạo cầu đường sắt, phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc, đầu máy, phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhìn chung các nguồn vốn này đều thấp hơn so với nhu cầu chi dùng và phát triển của Đường sắt Việt Nam, hiện chưa khắc phục tình trạng lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của đường sắt để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm phát triển bền vững ngành Đường sắt Việt Nam.
- Áp lực từ khách hàng: Dù có nhu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau nhưng sử dụng dịch vụ vận tải đường sắt đã khá quen thuộc với người dân Việt Nam khi có nhu cầu vận chuyển hay đi lại ở cự ly trung bình và dài. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi cho sự tăng trưởng của ngành đường sắt, nhưng nó cũng đòi hỏi ngành đường sắt khi thực hiện dịch vụ vận tải phải đáp ứng nhu cầu hiện đại về an toàn, môi trường, tốc độ, chất lượng và giá cả từ phía khách hàng.
- Áp lực từ sản phẩm thay thế: Trong thời điểm hiện nay, các ngành hàng không, đường bộ ngày càng phát triển, chất lượng dịch vụ ngày càng cao dễ dàng thay thế ngành đường sắt vì hạ tầng quá lâu đời, chất lượng tàu và công nghệ lạc hậu. Hơn nữa, vận tải đường sắt kém linh hoạt hơn vận tải đường bộ, tàu hỏa không thể cung cấp dịch vụ đến một địa điểm bất kỳ và chỉ có thể vận chuyển hành khách, hàng hóa từ ga đến ga, theo lịch trình cố định vì vậy chi phí vận chuyển cũng tương đối cao hơn so với vận tải bằng đường bộ.
- Áp lực từ đối thủ cạnh tranh: với cơ chế đấu thầu nhằm tạo tính công khai, minh bạch, góp phần khắc phục những khó khăn cho ngân sách nhà nước và nguồn lực đầu tư eo hẹp cho các dự án phát triển hạ tầng đường sắt quốc gia, đã tạo ra thách thức đối với Công ty trong việc cạnh tranh với các công ty tư nhân khác trong ngành. Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của Công ty trong ngành. Đây được xem là động lực thúc đẩy Công ty không ngừng nỗ lực hoàn thành các công trình hạ tầng đường sắt có chất lượng tốt.
- Tình hình người dân sống dọc hai bên đường sắt lấn chiếm, tái lấn chiếm, xây dựng các công trình, chăn thả gia súc trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, làm ảnh hưởng đến công tác an toàn chạy tàu. Tình hình vi phạm quy định khi tham gia giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt và đường bộ của người dân đã ảnh hưởng đến công tác của nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn chạy tàu.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Đối với vật tư, vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty kinh doanh trong ngành đường sắt. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của công ty, trong khi giá cả dịch vụ công không thể điều chỉnh tăng tương ứng, Công ty khó có thể xoay sở kịp với sự tăng giảm thất thường của giá nguyên liệu đầu vào, đồng thời cũng không thể điều chỉnh ngay lập tức giá bán sản phẩm khi chi phí đầu vào tăng lên vì mục tiêu đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Từ đó ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro luật pháp

Được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam trong đó chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và Luật Đường sắt cùng các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện, Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi chưa đạt hiệu quả cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh… là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng cách thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, đề ra cách phòng tránh thiên tai, cháy nổ để ứng phó kịp thời với những trường hợp bất khả kháng, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

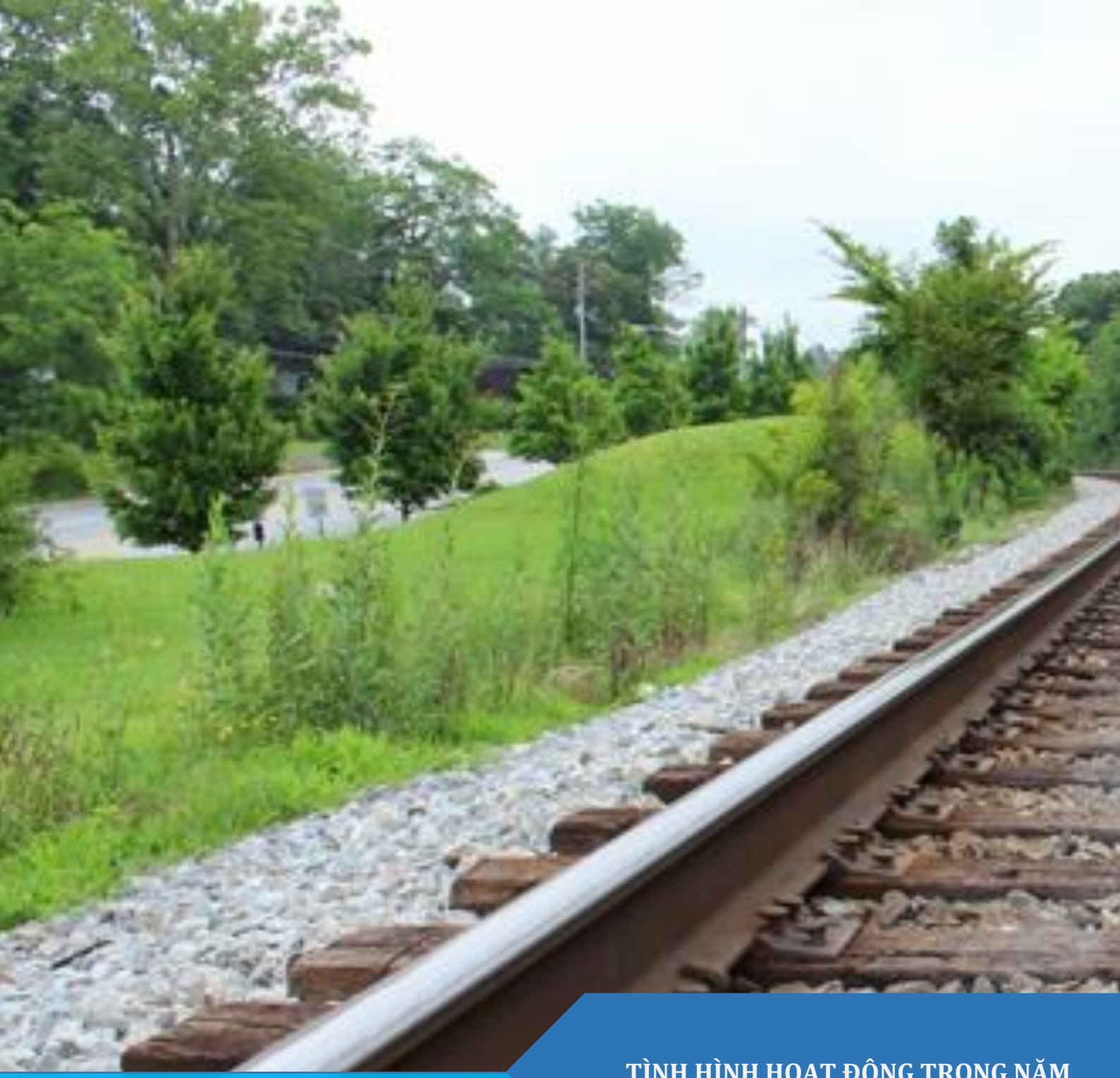

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2016		Năm 2017		% Năm 2017/Năm 2016
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	115,54	91,08%	119,79	92,01%	103,68%
2	Doanh thu hợp đồng xây dựng	11,31	8,92%	10,40	7,99%	91,92%
	Tổng cộng	**126,85**	**100%**	**130,19**	**100,00%**	**102,63%**

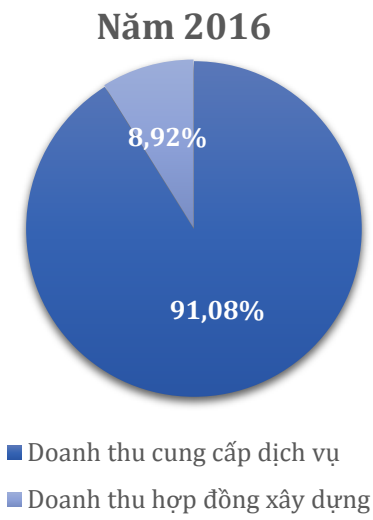

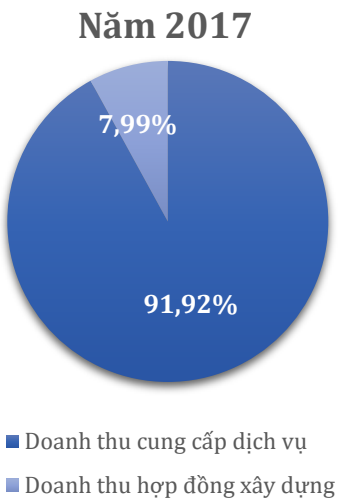

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần cung cấp dịch vụ đạt 119,79 tỷ đồng tăng 3,68% so với cùng kỳ năm 2016. Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng giảm nhẹ so với năm 2016 đạt 10,40 tỷ đồng giảm 8,75%. Nhìn chung, doanh thu trong năm 2017 không đạt kế hoạch đề ra, nhưng vẫn giữ được mức ổn định. Với tỷ lệ sở hữu Công ty là 51%, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giảm kế hoạch chung ngành giao thông đã ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty trong năm 2017. Mặc dù, giá vốn đầu vào cao chiếm khoảng hơn 85% doanh thu thuần qua các năm, nhưng với chính sách ổn định nguyên liệu đầu vào bởi nguồn vật tư do Công ty tự gia công, sản xuất cung cấp để phục vụ cho nhiệm vụ đảm bảo trạng thái kỹ thuật của cầu đường và an toàn giao thông đường sắt: Xi măng, sắt thép, tà vẹt gỗ, phụ kiện nối giữ, tà vẹt bê tông dự ứng lực TN1, ray, ghi, đá 2,5x5.... Vì vậy, giá vốn hàng bán được duy trì ổn định (chỉ tăng khoảng 1,96% so với năm trước), nằm trong sự kiểm soát và dự tính của Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Tính tại thời điểm 31/12/2017

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Văn Tân	Giám đốc	5.840	0,32%/VĐL
2	Lê Công Đệ	Phó Giám đốc	4.780	0,26%/VĐL
3	Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	4.630	0,26%/VĐL
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	5.630	0,31%/VĐL

Ông Mai Văn Tân - Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	01/01/1963
Nơi sinh	Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 20B, Khu vực 3, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng đường sắt
Quá trình công tác	
- Từ 04/1982 đến 06/1985	Tập sự, kỹ thuật viên Đội đường 401 Quảng Ngãi thuộc Đoạn cầu đường Nghĩa Bình.
- Từ 06/1985 đến 03/1990	Đội phó Đội đại tu Đường sắt 409 thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 03/1990 đến 01/1998	Kỹ thuật viên, thống kê Đội QLĐS 409 Diêu Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 01/1998 đến 09/2000	Bí thư chi bộ, Đội trưởng Đội QLĐS 409 Diêu Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 09/2000 đến 03/2008	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 03/2008 đến 11/2015	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 04/11/2015 đến 07/01/2016	Giám đốc Công ty TNHHMTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 08/01/2016 đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần Đường Sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	5.840 cổ phẩn tương ứng 0,32%/vốn điều lệ.
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	460.530 cổ phần tương ứng 25,5%/vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Vợ sở hữu 4.880 cổ phần tương ứng 0,27% /vốn điều lệ.
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Ông Lê Công Đệ - Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	08/08/1959
Nơi sinh	Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	số 113 đường Phó Đức Chính, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng đường sắt
Quá trình công tác	
- Từ 1980 đến 1981	Kỹ thuật viên Đội đường sắt 407 Phù cát thuộc Đoạn cầu đường Nghĩa Bình.
- Từ 1981 đến 1996	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 1996 đến 2001	Phó phòng Kỹ thuật thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 2001 đến 2009	Trưởng phòng Kỹ thuật thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình
- Từ 2009 đến 2011	Giám đốc Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình
- Từ 2011 đến 2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 08/01/2016 đến nay	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	4.780 cổ phần tương ứng 0,26%/Vốn điều lệ
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	0 cổ phần
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm PL	Không

Ông Nguyễn Thanh Hải - Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	12/03/1969
Nơi sinh	Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 42, Khu vực 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế xây dựng Giao thông vận tải
Quá trình công tác	
- Từ 6/1988 đến 6/1990	Công nhân phụ xe tải phòng Vật tư, Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
-Từ 6/1990 đến 8/1997	Công nhân lái xe phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
-Từ 8/1997 đến 2/1998	Nhân viên phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
-Từ 2/1998 đến 01/2004	Phó trưởng phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
-Từ 01/2004 đến 01/2011	Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp Công ty QLĐS Nghĩa Bình
-Từ 26/01/2011 đến 15/12/2011	Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
-Từ 16/12/2011 đến 07/01/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 08/01/2016 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	4.630 cổ phần
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	0 cổ phần
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm PL	Không

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	17/8/1976
Nơi sinh	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 43, Khu vực 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
- Từ 6/1999 đến 02/2012	Nhân viên phòng Tài chính-Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 3/2012 đến 02/2014	Phó trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 3/2014 đến 01/2015	Trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 02/2015 đến 07/01/2016	Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 08/01/2016 đến nay	Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình..
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	5.630 cổ phần tương ứng 0,31%/Vốn điều lệ
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	- Chồng sỡ hữu 3.870 cổ phần tương ứng 0,21%/VĐL - Anh trai sở hữu 10.170 cồ phần tương ứng 0,56%/VĐL
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm PL	Không

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGĐ trong năm 2017

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Quốc Nguyên	Thành viên BKS	25/12/2015	11/04/2017
2	Thái Thị Thảo Vi	Thành viên BKS	25/12/2015	11/04/2017
3	Phan Minh Trung	Thành viên BKS	11/04/2017	
4	Bạch Khôi Tinh	Thành viên BKS	11/04/2017	

TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG

Số lượng CBCNV

Tổng số lao động: 585 người

Trong đó:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Theo trình độ lao động**	**585**	**100,00%**
1	Trình độ đại học, cao đẳng	83	14,19%
2	Trình độ trung cấp	85	14,53%
3	Công nhân kỹ thuật	367	62,74%
4	Lao động phổ thông	50	8,54%
II	**Theo loại hợp đồng lao động**	**585**	**100,00%**
1	Hợp đồng không thời hạn	516	88,21%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	69	11,79%
III	**Theo giới tính**	**585**	**100,00%**
1	Nam	530	90,60%
2	Nữ	55	9,40%

Thu nhập bình quân người lao động qua các năm

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2015	631	6.820.000
2	2016	615	7.370.000
3	2017	585	8.300.000

Theo trình độ lao động

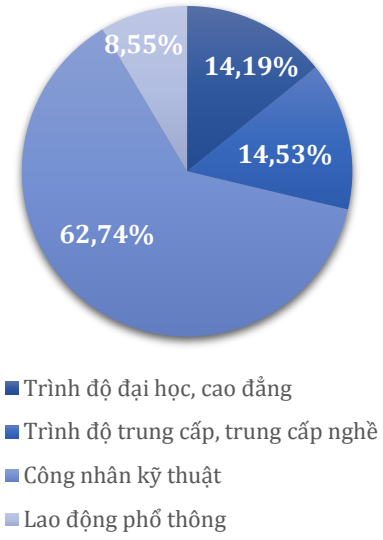

Theo tính chất hợp đồng lao động

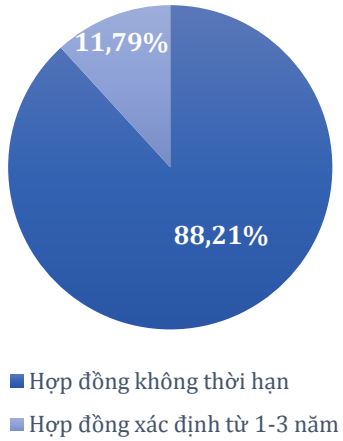

Theo giới tính

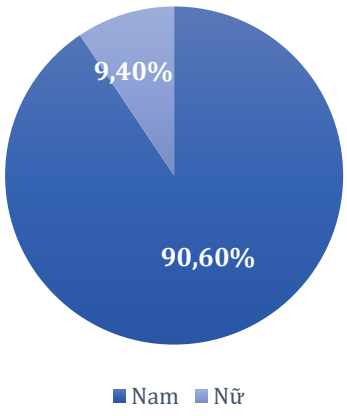

Chính sách nhân sự

Để xây dựng nguồn lực, Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Ngoài tiền lương, Công ty xây dựng chế độ thưởng theo quy chế khen thưởng chung của Nhà nước và Bộ Giao thông Vận tải và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngoài điều kiện lao động, chế độ tiền lương và thưởng, Công ty cũng sẽ tiếp tục truyền thống của đơn vị là chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao… để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác.

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN

Trong năm 2017 Công ty có đầu tư mua sắm và sửa chữa tài sản cố định gồm những tài sản sau:

- Sửa chữa tài sản cố định:

ĐVT: Đồng

STT	Tên và ký hiệu tài sản	ĐVT	Số lượng	Giá trị sửa chữa
1	Sửa chữa nhà Hội trường Công ty	m2	288,8	1.122.910.841
2	Sửa chữa Bếp ăn tập thể Công ty	m2	84,4	183.416.733
	Tổng cộng			**1.306.327.574**

- Mua sắm tài sản cố định:

STT	Tên và ký hiệu tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy chèn đường cơ cấu thủy lực TQ XYD – 2AIII	Bộ	3	248.300.000	744.900.000
2	Máy chèn đường cầm tay MRC 1100P	Cái	4	84.300.000	337.200.000
	Tổng cộng				**1.082.100.000**

Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% 2017/2016
1	**Doanh thu thuần**	Tỷ đồng	126.854,52	130.192,66	102,63%
2	**Giá vốn hàng bán**	Tỷ đồng	110.986,67	113.218,84	102,01%
3	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	Tỷ đồng	15.867,85	16.973,82	106,97%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	772,84	869,14	112,46%
5	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	14,87	19,43	130,65%
6	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	534,12	522,58	97,84%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	11.665,56	13.111,76	112,40%
8	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	Tỷ đồng	4.426,14	4.189,19	94,65%
9	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,78	9,00	1159,77%
10	Chi phí khác	Tỷ đồng	61,05	319,44	523,27%
11	**Lợi nhuận khác**	Tỷ đồng	(60,27)	(310,44)	515,08%
12	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	Tỷ đồng	4.365,86	3.878,75	88,84%
13	**Lợi nhuận kế toán sau thuế**	Tỷ đồng	3.480,48	2.906,91	83,52%
14	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	Đồng	1.239	1.610	129,94%
15	**Tỷ lệ cổ tức**	%	7,5%	7,5%	100%

Năm 2017 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Từ đó ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Những hạn chế về năng lực nội tại, áp lực cạnh tranh ngày càng tăng với các phương tiện khác, vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt năm qua rất hạn hẹp, không có dự án mới triển khai. Vì vậy chưa có sự đột phá về chất lượng, năng lực kết cấu hạ tầng đường sắt, công việc của các công ty cổ phần xây lắp tiếp tục khó khăn. Tuy nhiên doanh thu của Công ty tăng 2,57% so với năm trước đạt 130,19 tỷ đồng, nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 5,73% đạt 4,19 tỷ đồng do chi phí lãi vay tăng 21,05% so với năm ở khoản 19 triệu đồng. Giá vốn hàng bán cũng tăng 1,97% đạt 113,22 tỷ đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh từ 11,67 tỷ đồng lên đến 13,11 tỷ đồng tăng 10,98%. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng trong năm 2017 là do phát sinh thêm chi phí dự phòng khoảng 570 triệu đồng và các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác tăng 21,28% so với năm trước đạt khoảng 4,7 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,24	1,21
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,10	1,10
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	67,27	64,78
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	205,57	183,91
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,12	22,03
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,84	2,04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,74	2,23
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,19	0,13
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,051	0,045
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,49	3,22

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu:

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.806.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.806.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có.

Cơ cấu cổ đông (Tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông Nhà nước**	**-**	**-**	**-**
II	**Cổ đông nội bộ**	**-**	**-**	**-**
II	**Cổ đông trong nước**	**1.806.000**	**18.060.000.000**	**100%**
1	Cá nhân	884.940	8.849.400.000	49%
2	Tổ chức	921.060	9.210.600.000	51%
III	**Cổ đông nước ngoài**	**-**	**-**	**-**
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		**1.806.000**	**18.060.000.000**	**100%**

Danh sách cổ đông lớn (Tính đến ngày 31/12/2017)

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	921.060	51%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats...Còn đối với vật tư đầu vào để Công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn...được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

Tiêu thụ năng lượng:

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng Công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhờn, điện.

Trong đó:

- Xăng: 21.214 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.
- Dầu diezen: 33.055 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt như máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng…
- Dầu nhờn: 218 lít: được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.
- Điện: 195.500KWh phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn Công ty.

Tiêu thụ nước

Công ty ký hợp đồng mua nước tại các Công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty. Đối với những khu vực không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đối với những khu vực sản xuất cấu kiện bê tông được sử dụng giếng khoan nơi có nguồn nước ngầm sạch nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Lượng nước sử dụng trong năm 2017: 7.910m^3.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2017, Công ty tiếp tục tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường trong toàn Công ty đã đăng ký từ năm 2015. Trên cơ sở đó triển khai đến các đơn vị trong toàn Công ty thực hiện. Ngoài ra, để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, Công ty đã thành lập ban chỉ đạo bảo vệ môi trường Công ty, đề xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường lên Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động. Công ty cũng xúc tiến đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn xác nhận trong năm 2015. Trong năm 2017, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

Chính sách đào tạo

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề và nghiệp vụ. Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước...nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

- Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;
- Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho doanh nghiệp;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và của ngành, Công ty.

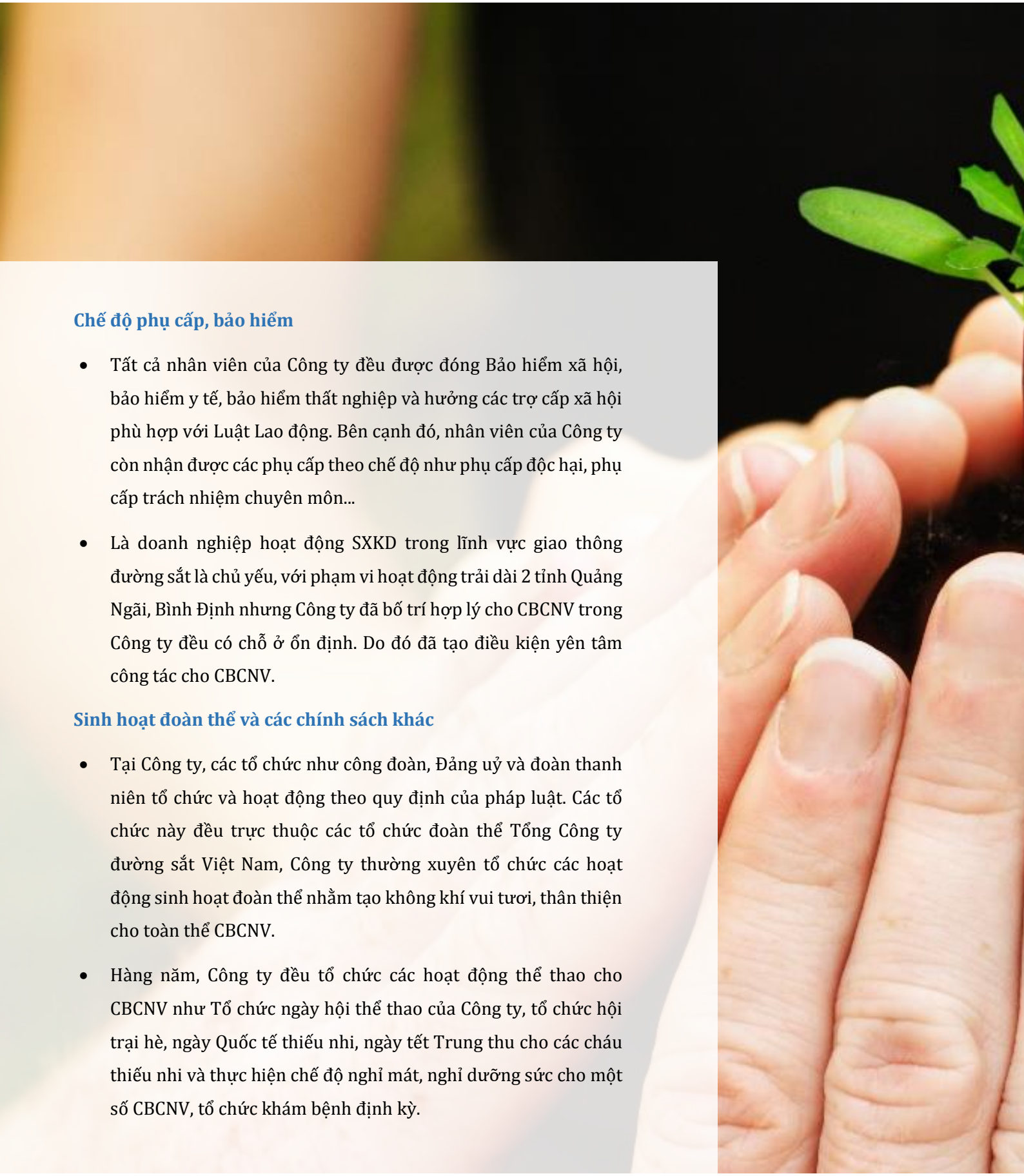

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm

- Tất cả nhân viên của Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Bên cạnh đó, nhân viên của Công ty còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm chuyên môn...
- Là doanh nghiệp hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định. Do đó đã tạo điều kiện yên tâm công tác cho CBCNV.

Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác

- Tại Công ty, các tổ chức như công đoàn, Đảng uỷ và đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức đoàn thể Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV.
- Hàng năm, Công ty đều tổ chức các hoạt động thể thao cho CBCNV như Tổ chức ngày hội thể thao của Công ty, tổ chức hội trại hè, ngày Quốc tế thiếu nhi, ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi và thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương,

Công ty đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng..., cụ thể phụng dưỡng 03 mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia với khối sản xuất kinh doanh – Dịch vụ Trung ương đóng trên địa bàn Tỉnh xây dựng nhà tình nghĩa; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác với tổng số tiền gần 100 triệu đồng; tham gia hiến máu nhân đạo 10 đơn vị máu do liên đoàn lao động Tỉnh Bình Định tổ chức, qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể nhân viên Công ty với nhau và với xã hội.

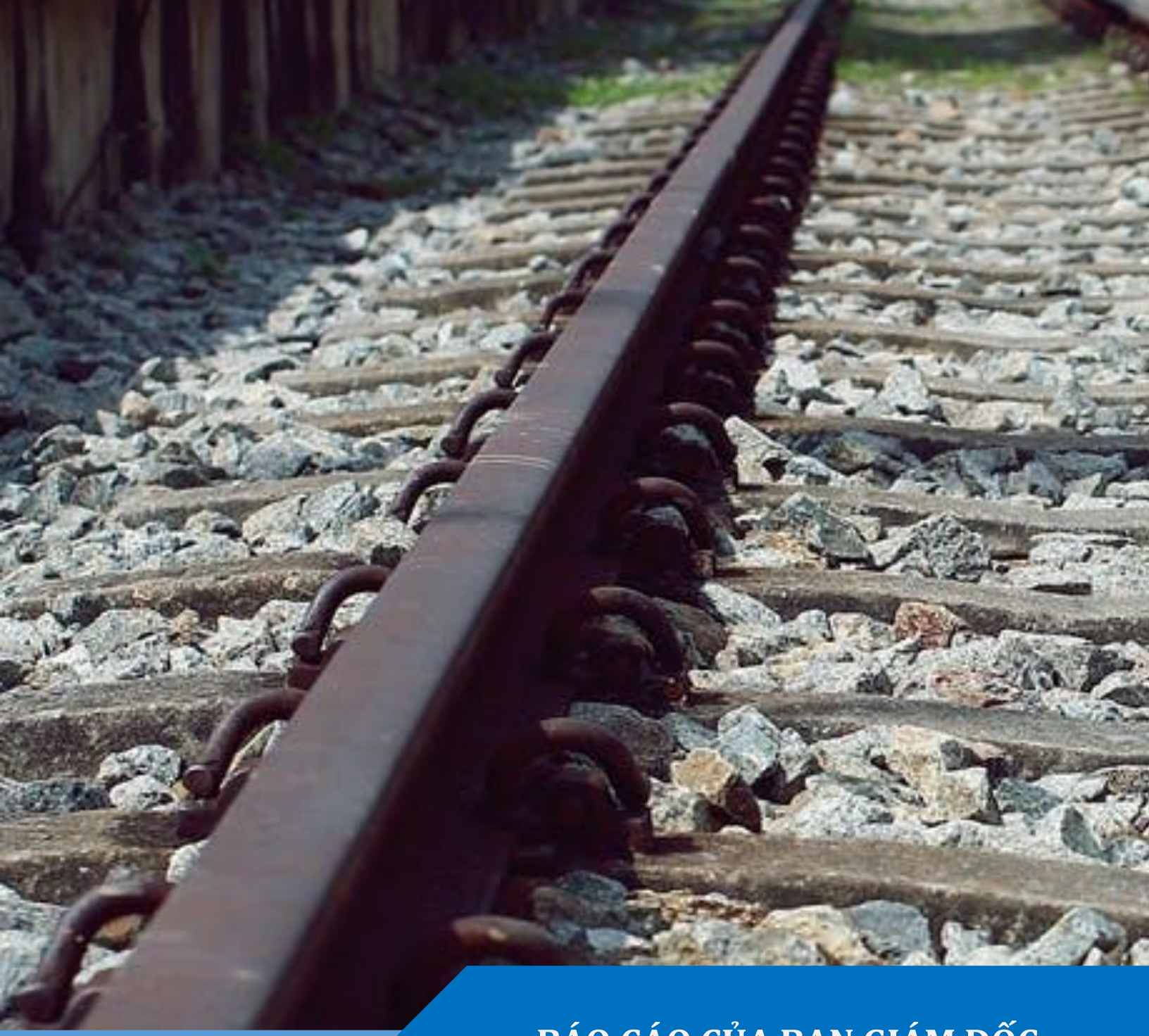

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH2017	% TH 2017/ KH2017	% TH2017/ TH2016
Tổng tài sản	65,82	61,87	62,03	100,26%	94,25%
Doanh thu thuần	127,63	134	131,07	97,81%	102,70%
Lợi nhuận từ HĐKD	4,43	3,43	4,19	122,13%	94,65%
Lợi nhuận khác	(0,06)	-	(0,31)	-	516,67%
Lợi nhuận trước thuế	4,37	3,43	3,88	113,09%	88,85%
Lợi nhuận sau thuế	3,48	2,74	2,91	105,94%	83,53%
Tỉ lệ cổ tức	7,50%	7,50%	7,50%	100,00%	100,00%

Trước những khó khăn mà ngành đường sắt gặp phải trong năm 2017, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình cũng chịu tác động đáng kể, nhưng vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh đạt mức ổn định. Cụ thể, doanh thu thuần đạt khoảng 131,07 tỷ đồng, tăng 2,70% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do đặc thù ngành đường sắt, giá vốn đầu vào cao (chiếm hơn 87% doanh thu thuần) dẫn đến biên lợi nhuận không cao. Mặc dù vậy, với nỗ lực kiểm soát đầu vào, giá vốn hàng bán của Công ty vẫn duy trì, tăng khoảng 1,96% so với năm trước, khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng cùng với chi phí quản lý doanh nghiệp cũng đạt khoảng 13,65 tỷ tăng 10,62% so với năm 2016. Mặc dù có sự nỗ lực ổn định đầu vào, quản lý chi phí hợp lý, khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn giảm 19,71% so với cùng kỳ năm trước, đạt khoảng 2,9 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	52,46	48,17	91,83%	79,69%	77,65%
Tài sản dài hạn	13,37	13,86	103,72%	20,31%	22,35%
Tổng tài sản	**65,82**	**62,03**	**94,5%**	**100%**	**100%**

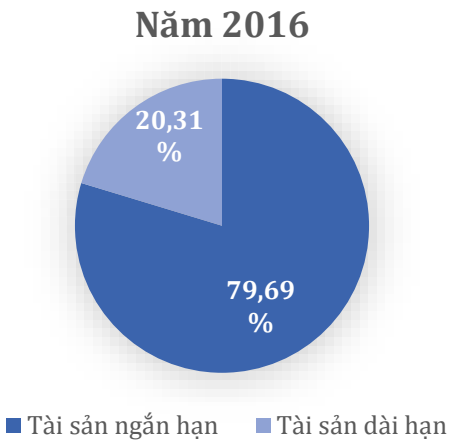

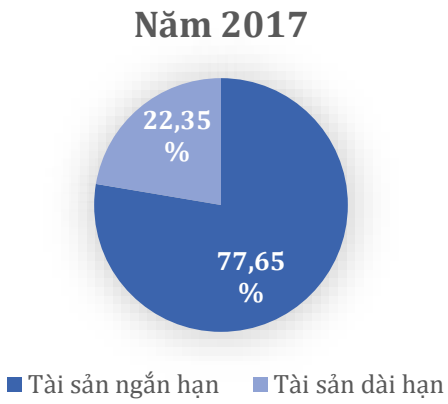

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2017 không có sự thay đổi lớn cả về giá trị lẫn cơ cấu so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 62 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm hơn 75% về cơ cấu, còn lại là phần tài sản dài hạn.

Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 48,17 tỷ đồng giảm 8,9% so với năm trước. Nguyên nhân là do lượng hàng tồn kho của Công ty giảm mạnh 44,61% từ 6 tỷ đồng còn khoảng hơn 4,2 tỷ đồng, trong đó, phần xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành, chuyển sang thành phẩm, đưa vào hoạt động; ngoài ra, trong năm 2017 Công ty nhận ít công trình hơn so với năm 2016. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn giảm một phần là do lượng tiền giảm 92,98% so với năm 2016.

Tài sản dài hạn năm 2017 tăng nhẹ 3,59% so với năm 2016, đạt 13,86 tỉ đồng. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu là do Công ty mua thêm máy móc thiết bị mới và đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm. Cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	11,81	6,75	42,84%
Máy móc thiết bị	3,74	2,26	39,58%
Phương tiện vận tải	9,17	4,74	48,28%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	35,87	31,43	12,43%
Cộng	**24,75**	**13,78**	**44,32%**

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	42,33	39,97	94,43%	95,60%	99,47%
Nợ dài hạn	1,95	0,21	10,85%	4,40%	0,53%
Tổng nợ phải trả	**44,28**	**40,18**	**90,75%**	**100%**	**100%**

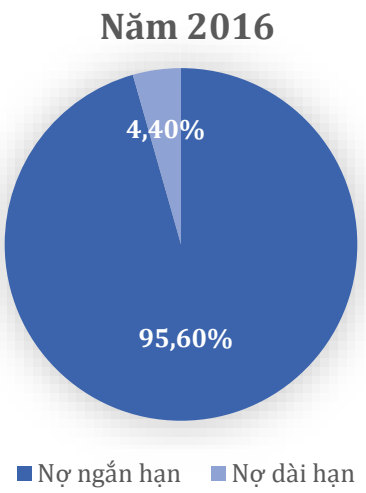

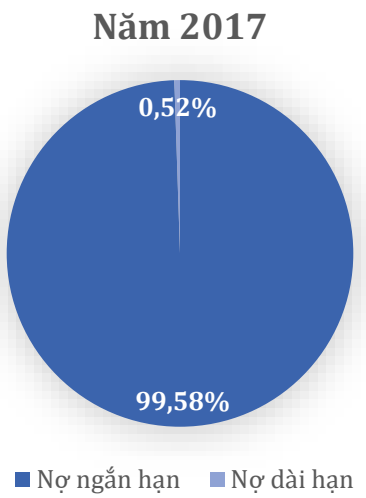

Tình hình nợ phải trả trong năm 2017 có xu hướng giảm so với năm 2016, mức tổng nợ phải trả trong năm 2017 đạt 40,18 tỷ đồng giảm 10,20% so với cùng kỳ năm trước. Mức chuyển dịch trong cơ cấu nợ ít có sự thay đổi, cụ thể tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng từ mức 95,60% trong năm 2016 lên 99,47% trong năm 2017.

Trong đó, nợ ngắn hạn của Công ty không có sự thay đổi đáng kể đạt 39,97 tỷ đồng chỉ giảm 5,9% so với năm trước. Khoản phải trả là số tiền phải trả cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam giảm 57,79% và các đối tượng khác tăng 34,83%. Nợ dài hạn là phần phải trả cho Tổng Công ty đường sắt Việt Nam khoảng hơn 125 triệu đồng.

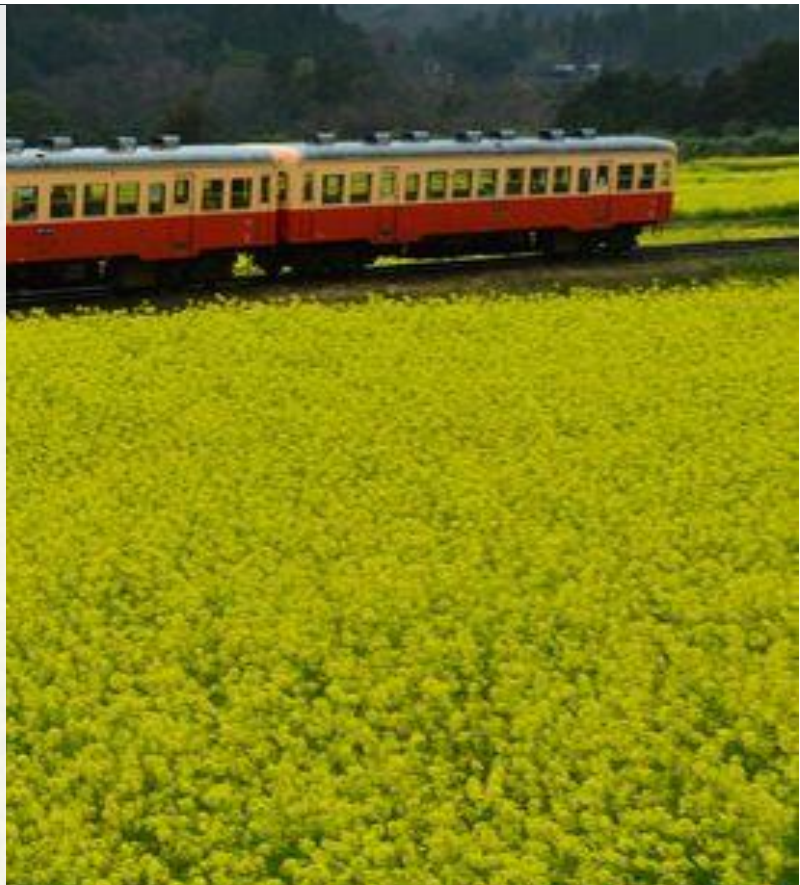

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Ứng dụng công nghệ mới trong XDCB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng mối gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...
- Cải tiến công cụ lao động, đưa tỷ lệ sử dụng các máy móc thay thế dần lao động chân tay.
- Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin.
- Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận; an toàn.
- Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhập phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc; trao đổi thông tin qua internet giao ban trực tuyến với 5 điểm cầu trong Công ty...
- Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.
- Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.
- Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thế chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.
- Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức để kiểm tra sát hạch nâng lương cả về chuyên môn, tin học thực hành và pháp luật. Phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Cơ sở xây dựng chiến lược

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020: giao thông vận tải đường sắt cần chiếm tỷ trọng tối thiểu 13% về nhu cầu luân chuyển hành khách và 14% về luân chuyển hàng hoá trong tổng khối lượng vận tải của toàn ngành giao thông vận tải; trong đó vận tải hành khách đô thị bằng đường sắt đạt ít nhất là 20% nhu cầu vận tải hành khách công cộng tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.
- Giai đoạn đến năm 2030: đạt tỷ trọng 20% về nhu cầu luân chuyển hành khách hàng hoá; đạt tỷ trọng 25% về nhu cầu vận chuyển hành khách công cộng tại các đô thị lớn.
- Vận tải hành khách: tập trung phát triển dịch vụ vận tải đường dài với cự ly 300km đến 500 km trên các hành lang giao thông chủ yếu, đặc biệt là hành lang Bắc - Nam, Đông - Tây và dịch vụ vận tải đường sắt đô thị, đường sắt nội - ngoại ô, đường sắt liên tỉnh trên cơ sở khai thác hệ thống đường sắt hiện có, đường sắt xây dựng mới ở các khu đoạn cự ly trung bình và khu vực có nhu cầu lớn.
- Vận tải hàng hóa: thúc đẩy phát triển nhanh dịch vụ vận tải hàng nặng, khối lượng lớn từ các khu mỏ, cảng biển, cảng ICD, nhà máy, các khu kinh tế lớn... giảm bớt sức ép đối với đường bộ, hạn chế tai nạn trên giao thông; ứng dụng công nghệ vận tải hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ vận tải trên cơ sở thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp vận tải đường sắt nhà nước, xã hội hóa vận tải đường sắt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ giá thành vận tải, thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia phát triển vận tải đường sắt và dịch vụ hỗ trợ vận tải với việc thiết lập thị trường cạnh tranh, tăng cường quản lý nhà nước về vận tải đường sắt.
- Mở rộng liên kết vận tải quốc tế, khu vực và các quốc gia có biên giới liền kề trên cơ sở mạng đường sắt hiện có và trong tương lai.

Về kết cấu hạ tầng, mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.
- Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Về quy hoạch phát triển

- Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng: Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.
- Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng: Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.

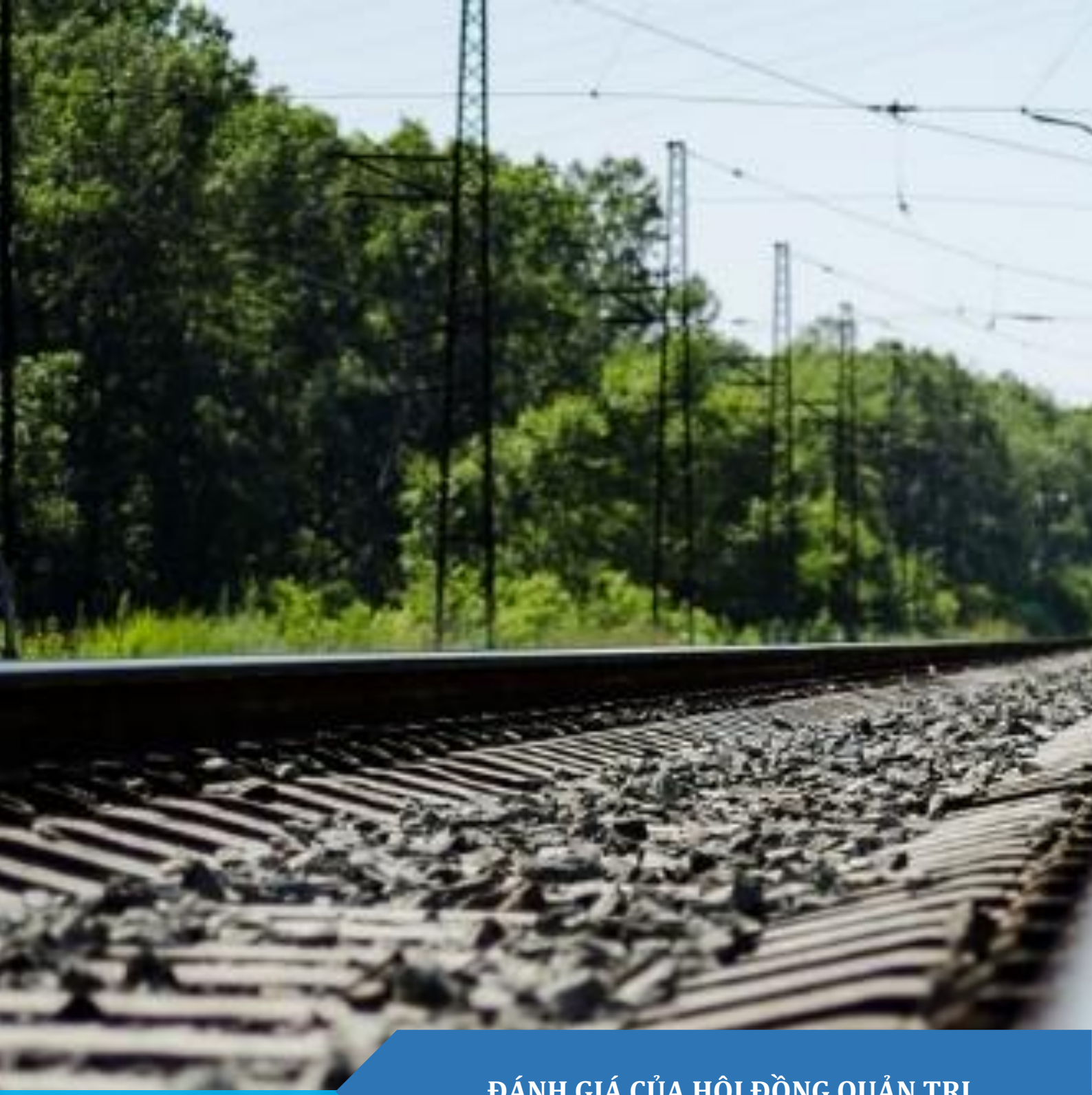

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017

Trong năm 2017, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao.Thay mặt cổ đông, Hội đồng quản trị quản lý Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết, hàng quý hoặc đột xuất Hội đồng quản trị họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành.

Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Giám đốc giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Giám đốc để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.

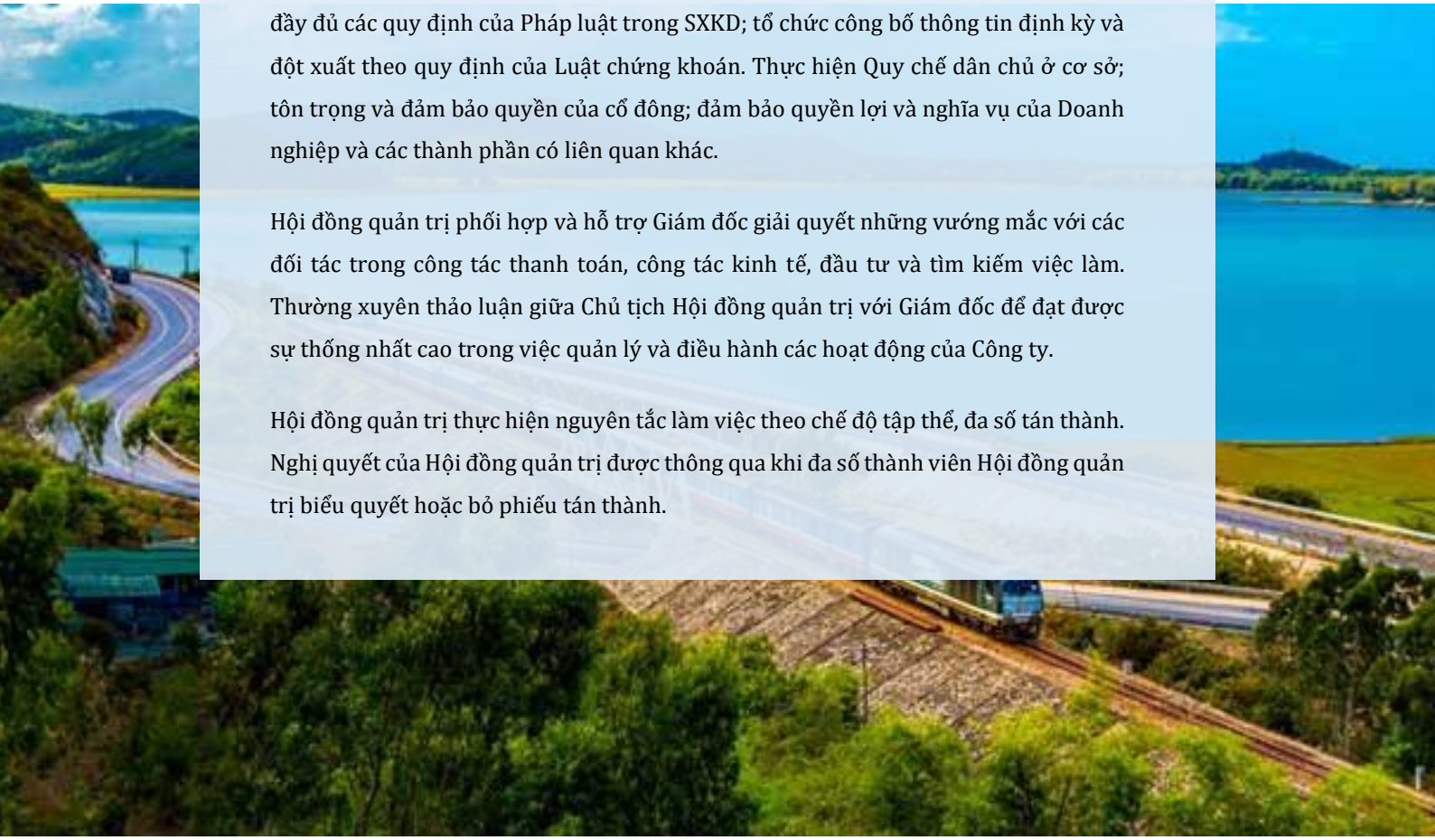

Kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2017 thực hiện

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện tốt các nhiệm vụ kế hoạch SXKD, kết thúc năm 2017, Công ty đã hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động và nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông đúng với kế hoạch được thông qua, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH2017	%TH 2017/ KH2017	%TH2017/ TH2016
Tổng tài sản	65,82	61,87	62,03	100,26%	94,25%
Doanh thu thuần	127,63	134,0	131,07	97,81%	102,70%
Lợi nhuận từ HĐKD	4,43	3,43	4,19	122,13%	94,65%
Lợi nhuận khác	(0,06)	-	(0,31)	-	516,67%
Lợi nhuận trước thuế	4,37	3,43	3,88	113,09%	88,85%
Lợi nhuận sau thuế	3,48	2,74	2,91	105,94%	83,53%
Tỉ lệ cổ tức	7,50%	7,50%	7,50%	100,00%	100,00%

Chi tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017.

Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch chi trả lương và thù lao HĐQT và BKS năm 2017, nội dung như sau:

- Tổng chi phí tiền lương và thù lao của HĐQT và BKS năm 2017: 658.800.000 đồng.

  Trong đó:

  - Tổng chi phí tiền lương và thù lao của HĐQT: 408.000.000 đồng.
  - Tổng chi phí tiền lương và thù lao của BKS : 250.800.000 đồng.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công các công trình do Công ty đảm nhận theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo, giám sát việc sắp xếp mô hình tổ chức toàn Công ty; việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.
- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.
- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.
- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chồng chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xác định năm 2018 sẽ là một năm có nhiều cơ hội và thách thức đối với hoạt động SXKD của Công ty. Vì vậy, Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018, đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản trị trong năm 2018.

Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tăng cường năng lực quản trị, đề ra các giải pháp nhằm chỉ đạo và điều hành công tác SXKD của Công ty, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch SXKD của năm 2018 với một số chỉ tiêu chính như sau:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018
Doanh thu	Tỷ đồng	141,56
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	13
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,88
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,10
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	18,94
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	18,06
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ:	%	17,2

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý Công ty, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toán cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý, phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trong thời gian tới để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất.

Phối hợp cùng Ban Kiểm soát Công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác SXKD năm 2017 nhằm phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và phải đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu của hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (Tại ngày 31/12/2017)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch	27.019	1,5%
2	Mai Văn Tân	Thành viên	5.840	0,32%
3	Lê Công Đệ	Thành viên	4.780	0,26%

Ông Nguyễn Thái Linh - Chủ tịch

Ngày tháng năm sinh	14/05/1961
Nơi sinh	Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 05 Nguyễn Đức Cảnh, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	
- Từ 04/1982 đến 03/1990	Kỹ thuật viên - Phân đoạn đường đèo Hải Vân, Phó Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Quản lý Đường sát Quảng Nam Đà Nẵng.
- Từ 04/1990 đến 08/2000	Phó Bí thư, Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Liên hiệp vận tải Đường sắt Khu vực II.
- Từ 09/2000 đến 15/9/2010	Phó trưởng Phân ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt Khu vực II.
- Từ 16/9/2010 đến 11/2015	Phó trưởng Phân ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt Khu vực II.
- Từ 01/12/2015 đến 07/01/2016	Chủ tịch Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 08/01/2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	27.019 cổ phần tương ứng 1,5%/vốn điều lệ.
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	460.530 cổ phần tương ứng 25,5%/vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Ông Mai Văn Tân – Thành viên

Thông tin đã đề cập tại mục Ban điều hành

Ông Lê Công Đệ – Thành viên

Thông tin đã đề cập tại mục Ban điều hành

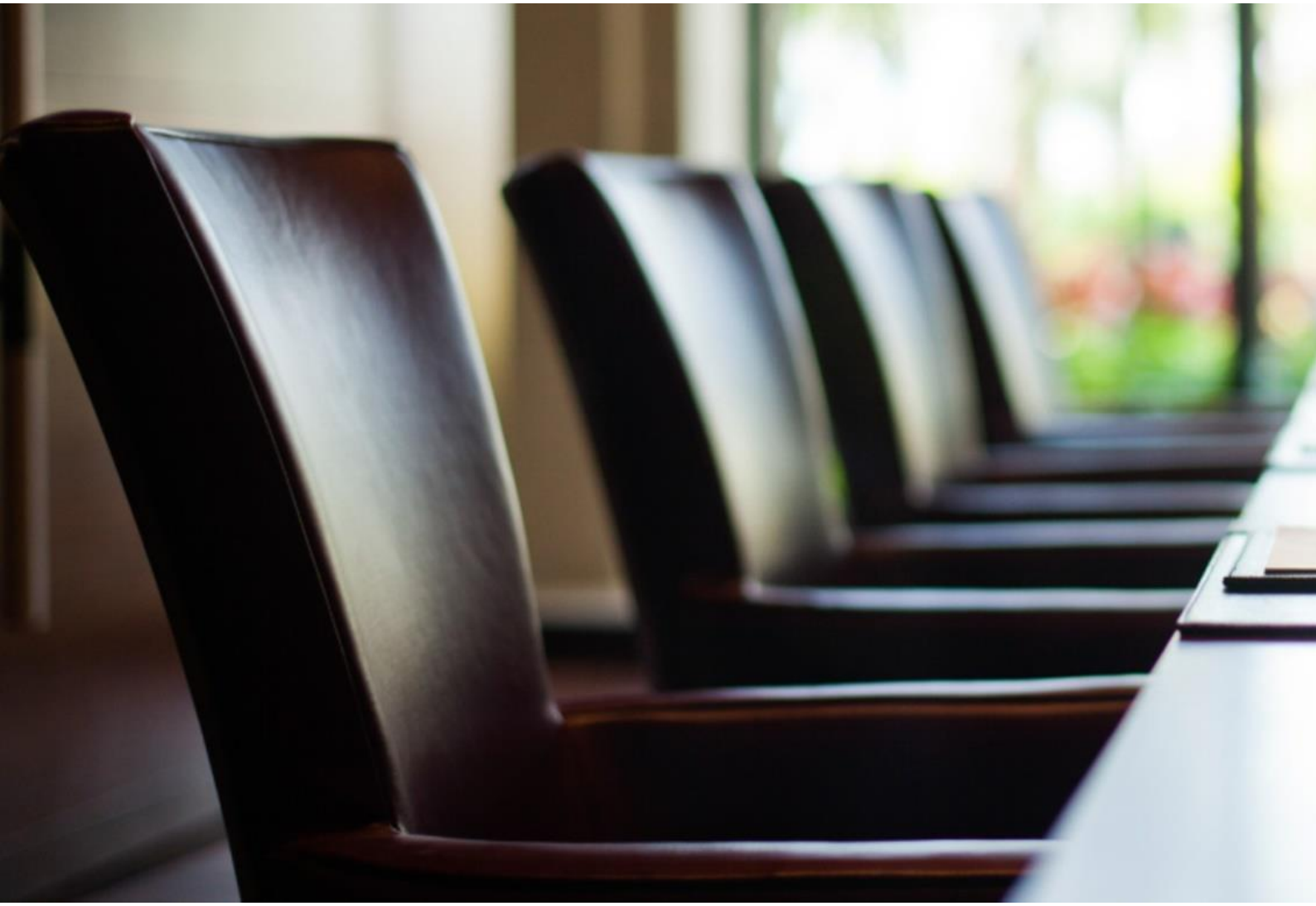

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Nội dung các phiên họp như sau:

- Phiên họp ngày 23/01/2017: Đánh giá kết quả thực hiện KH SX KD năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2017.
- Phiên họp ngày 7/4/2017: Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD quý I/2017 và KH SXKD quý II/2017.
- Phiên họp ngày 11/4/2017: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Phiên họp ngày 19/7/2017: Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017.
- Phiên họp 10/10/2017: Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD quý III/2017 và KH SXKD quý VI/2017.
- Phiên họp ngày 08/2/2018: Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2018.

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các Quyết định, Nghị quyết

STT	Số NQ.QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	23/01/2017	Nghị quyết về việc thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2017
2	06/QĐ-ĐSNB	03/02/2017	Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng nguồn khấu hao Tài sản cố định năm 2016
3	12/QĐ-ĐSNB	15/02/2017	Quyết định về việc khoán chi và cấp theo định mức tiêu hao trong quản lý, BDTX kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2017, Đội CĐ Quảng Ngãi, Đức Phổ, Bồng Sơn, Diêu Trì, XNXDCT và Cơ quan.
4	30/QĐ-ĐSNB	15/03/2017	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2017
5	35/QĐ-ĐSNB	22/03/2017	Quyết định giao kinh phí QLBDTX KCHT ĐS năm 2017 Đội CĐ Quảng Ngãi, Đức Phổ, Bồng Sơn, Diêu Trì, XNXD Công trình và TTDV - VHTT
6	32/QĐ-ĐSNB	22/03/2017	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
7	52/QĐ-ĐSNB	31/03/2017	Quyết định phê duyệt hạng mục chi phí QLBD Đường sắt 2017
8	53/QĐ- ĐSNB	03/04/2017	Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách CĐ tại CĐTN năm 2017
9	60/QĐ-ĐSNB	07/04/2017	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần ĐSNB
10	67/QĐ- ĐSNB	20/04/2017	Quyết định về việc bổ sung tiền lương BDTXKCHC ĐS năm 2017 cho 4 đội cầu đường
11	72/QĐ- ĐSNB	27/04/2017	Quyết định về việc tạm phê duyệt kế hoạch tiền lương của HĐQT, TBKS, Ban điều hành
12	73/QĐ- ĐSNB	27/04/2017	Quyết định phê duyệt thù lao của Thành viên HĐQT, TVBKS
13	02/NQ-HĐQT	07/04/2017	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch SXKD Quý I năm 2017 và công tác SXKD Quý II năm 2017
14	03/2017/NQ-ĐHĐCĐ	11/04/2017	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
15	60/QĐ-ĐSNB	07/04/2017	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần ĐSNB
16	07/NQ-HĐQT	19/07/2017	Nghị quyết v/v thông qua kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2017 và công tác SXKD 6 tháng cuối năm 2017

17	08/NQ - HĐQT	10/10/2017	Nghị quyết về việc thông qua KHSXKD Quý III/2017 và công tác SXKD Quý IV/2017 của CTCP Đường sắt Nghĩa Bình
18	10/NQ - HĐQT	01/12/2017	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng thuê kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017
Và các Nghị quyết, Quyết định khác			

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp, đưa ra những ý kiến khách quan góp phần vào định hướng phát triển Công ty. Giám sát các hoạt động của Công ty và Ban điều hành.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Công ty không có tiểu ban.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

"Đoàn kết – Kỷ luật – Cần kiệm – Sáng tạo"

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát (Tại ngày 31/12/2017)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Kim Loan	Trưởng ban	4.480	0,25%
2	Phan Minh Trung	Thành viên	1.880	0,1%
3	Bạch Khôi Tinh	Thành viên	995	0,06%

Bà Trần Thị Kim Loan - Trưởng ban

Ngày tháng năm sinh	10/08/1976
Nơi sinh	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 42, Khu vực 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
- Từ 10/1995 đến 03/1998	Tập sự thống kê Đội đường 405 Bồng Sơn thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 04/1999 đến 12/2003	Thống kê Đội đường 407 Phù Cát thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
- Từ 01/2004 đến 10/2013	Nhân viên Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 11/2013 đến 12/2015	Phó phòng TCTTH, Xí nghiệp Xây dựng công trình thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 01/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	4.480 cổ phần tương ứng 0,25%/vốn điều lệ.
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	0 cổ phần.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Chồng sở hữu 3.385 cổ phần tương ứng 0,19%/VĐL
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Ông Phan Minh Trung – Thành viên

Ngày tháng năm sinh	09/11/1980
Nơi sinh	Thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 22, Khu vực 4, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác	
- Từ 12/1999	Công nhân duy tu sửa chữa cầu, Đội QLXD cầu 406 Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 01/2004 đến 12/2004	Thống kê Đội QLXD cầu 406 Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 01/2005 đến 30/11/2010	Công nhân duy tu sửa chữa cầu đường sắt Đội QLXD cầu đường Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 01/12/2010 đến 10/04/2017	Chuyên viên, Phòng Tổ chức – Hành chính, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình.
- Từ 11/04/2017 - nay	Chuyên viên, Phòng Tổ chức – Hành chính, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	1.880 cổ phần tương ứng 0,1%/vốn điều lệ.
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	0 cổ phần.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Ông Bạch Khôi Tinh – Thành viên

Ngày tháng năm sinh	13/8/1981
Nơi sinh	Xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	02 Đô Đốc Lộc, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định.
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu đường
Quá trình công tác	
- Từ 08/2008 đến 05/2010	Nhân viên Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hồng Long.
- Từ 12/2010 đến 03/2011	Nhân viên Công ty Vận tải và Xây dựng Tranco
- Từ 04/2011 đến 01/2014	Nhân viên Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phan Vân.
- Từ 03/2014 đến 10/04/2017	Nhân viên Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình
- Từ 11/04/2017 - nay	Nhân viên Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ	995 cổ phần tương ứng 0,06%/vốn điều lệ.
Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	0 cổ phần.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Anh trai sở hữu 1.180 cổ phần tương ứng 0,065%/VĐL
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.

- Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2017 và công tác xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất "Công ty cổ phần". Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.

- Những cuộc họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty.

- Sau cuộc họp HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT. BGĐ đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Cho Công ty vay
1	**Hội đồng quản trị**			
	Ông Nguyễn Thái Linh	360.000.000	60.531.600	5.600.000
	Ông Mai Văn Tân	312.000.000	42.867.400	800.000
	Ông Lê Công Đệ	276.000.000	34.922.200	800.000
2	**Ban kiểm soát**			
	Bà Trần Thị Kim Loan	222.000.000	23.649.700	800.000
	Ông Phan Minh Trung	135.813.705	922.222	800.000
	Ông Bạch Khôi Tinh	121.317.405	575.000	
3	**Ban điều hành**			
	Ông Mai Văn Tân	312.000.000	42.867.400	800.000
	Ông Lê Công Đệ	276.000.000	34.922.200	800.000
	Ông Nguyễn Thanh Hải	276.000.000	28.778.200	1.600.000
	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	258.000.000	29.150.900	1.600.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	**2 – 3**
Báo cáo kiểm toán độc lập	**4**
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	**5 – 34**
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo Quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch
Ông Mai Văn Tân	Ủy viên
Ông Lê Công Đệ	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Văn Tân	Giám đốc
Ông Lê Công Đệ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018
TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

M.S.D.N: 4100[illegible] CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

Mai Văn Tân

AASCN
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD

Số : 50./2018/BCKT-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Mai Văn Công
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

Kiểm toán viên

Lại Trường Dương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2015-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**48.172.105.330**	**52.456.693.619**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**5.355.842.068**	**10.336.108.216**
1.	Tiền	111	V.01	5.355.842.068	10.336.108.216
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Đầu tư tài chính**	**120**		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**38.572.130.416**	**36.088.122.378**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	36.859.176.724	32.976.806.430
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.750.000	57.750.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	2.225.751.692	3.053.565.948
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(570.548.000)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**V.05**	**4.244.132.846**	**6.032.463.025**
1.	Hàng tồn kho	141		4.244.132.846	6.032.463.025
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**13.861.925.845**	**13.365.374.015**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**10.971.166.805**	**10.032.049.515**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	10.971.166.805	10.032.049.515
	- Nguyên giá	*222*		24.754.806.726	22.366.379.152
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(13.783.639.921)*	*(12.334.329.637)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	*225*		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	*228*		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**2.890.759.040**	**3.333.324.500**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.890.759.040	3.333.324.500
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**62.034.031.175**	**65.822.067.634**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**40.184.405.145**	**44.281.585.233**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**39.972.746.895**	**42.330.990.573**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	13.884.559.926	16.804.198.651
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.786.159.661	2.395.006.585
4.	Phải trả người lao động	314		19.712.343.085	16.811.946.201
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	105.000.000	105.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2.895.018.660	5.266.906.974
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		589.665.563	947.932.162
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**211.658.250**	**1.950.594.660**
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.12	125.258.250	1.799.394.660
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.08	86.400.000	151.200.000
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**21.849.626.030**	**21.540.482.401**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.13**	**21.849.626.030**	**21.540.482.401**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*18.060.000.000*	*18.060.000.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		882.718.000	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.906.908.030	3.480.482.401
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*2.906.908.030*	*3.480.482.401*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**62.034.031.175**	**65.822.067.634**

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Võ Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Mai Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.01**	**130.192.660.679**	**126.854.518.623**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**130.192.660.679**	**126.854.518.623**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	113.218.839.105	110.986.668.899
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**16.973.821.574**	**15.867.849.724**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	869.144.744	772.838.687
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	*19.429.333*	*14.871.451*
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*19.429.333*	*14.871.451*
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	522.584.846	534.118.469
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	13.111.757.458	11.665.562.283
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**4.189.194.681**	**4.426.136.208**
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	9.000.000	776.013
12.	Chi phí khác	32	VI.06	319.443.790	61.047.376
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(310.443.790)**	**(60.271.363)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**3.878.750.891**	**4.365.864.845**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	971.842.861	885.382.444
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**2.906.908.030**	**3.480.482.401**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.09**	**1.610**	**1.239**
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	**VI.10**	**1.610**	**1.239**

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Võ Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Mai Văn Tân

M.S.D.N: 4100259405 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		137.815.738.557	139.517.449.683
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(70.074.824.828)	(72.963 .663.853)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(57.956.286.404)	(56.464 .812.260)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(19.429.333)	(14 .871.451)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.014.799.150)	(584 .580.393)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		647.963.618	2.862.786.749
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.440.045.778)	(12.376 .531.152)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(2.041.683.318)***	***(24.222.677)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.388.427.574)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		869.144.744	772.838.687
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.519.282.830)***	***772.838.687***

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		2.000.000.000	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.064.800.000)	(64.800.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.354.500.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(1.419.300.000)***	***(64.800.000)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(4.980.266.148)**	**683.816.010**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**10.336.108.216**	**9.652.292.206**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**5.355.842.068**	**10.336.108.216**

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Võ Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Mai Văn Tân

M.S.D.N: 4100259405 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	169.571.717	78.060.950
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.186.270.351	10.258.047.266
Cộng	**5.355.842.068**	**10.336.108.216**

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***36.859.176.724***	***32.976.806.430***
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	2.525.117.100	3.520.901.300
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	25.966.080.166	13.608.396.180
- Công ty Cổ phần công trình 875	3.634.991.000	4.134.991.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	3.686.185.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.732.988.458	8.026.332.950
Cộng	**36.859.176.724**	**32.976.806.430**

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***25.966.080.166***	***21.026.583.180***
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	*25.966.080.166*	*13.608.396.180*
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	*3.686.185.000*
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đà Nẵng	-	*2.715.332.000*
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	-	*1.016.670.000*
Cộng	**25.966.080.166**	**21.026.583.180**

03. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn	***2.225.751.692***	-	***3.053.565.948***	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	500.000.000	-
- Tạm ứng	144.000.000	-	861.399.200	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	155.377.350	-	97.577.350	-
- Phải thu khác	1.926.374.342	-	1.594.589.398	-
+ Phải thu CBCNV – BHXH	*372.710.842*	-	*392.334.967*	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	*75.007.300*		*76.873.300*	
+ Phải thu CBCNV - BHTN	*49.333.400*	-	*51.035.700*	-
+ Phải thu CBCNV (Thuế TNCN)	*212.900.416*	-	*93.526.299*	-
+ Các khoản phải thu khác	*1.216.422.384*	-	*980.819.132*	-
Cộng	**2.225.751.692**	-	**3.053.565.948**	-

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	***10.498.998.983***	***2.658.921.696***	***9.172.572.109***	***35.886.364***	***22.366.379.152***
- Mua trong năm	-	1.082.100.000	-	-	1.082.100.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.306.327.574	-	-	-	1.306.327.574
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	***11.805.326.557***	***3.741.021.696***	***9.172.572.109***	***35.886.364***	***24.754.806.726***
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	***6.247.455.017***	***2.066.671.156***	***3.990.263.981***	***29.939.483***	***12.334.329.637***
- Khấu hao trong năm	500.711.524	193.677.672	753.434.368	1.486.720	1.449.310.284
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	***6.748.166.541***	***2.260.348.828***	***4.743.698.349***	***31.426.203***	***13.783.639.921***
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	***4.251.543.966***	***592.250.540***	***5.182.308.128***	***5.946.881***	***10.032.049.515***
2. Tại ngày cuối năm	***5.057.160.016***	***1.480.672.868***	***4.428.873.760***	***4.460.161***	***10.971.166.805***

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn	***2.890.759.040***	***3.333.324.500***
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	86.447.169	151.282.541
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	96.221.363	135.440.137
- Giá trị lợi thế kinh doanh	2.708.090.508	3.046.601.822
Cộng	**2.890.759.040**	**3.333.324.500**

Đơn vị tính: VND

08. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Vay ngắn hạn	**-**	**-**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	**-**	**-**
- Vay ngân hàng	***-***	***-***	***2.000.000.000***	***2.000.000.000***	***-***	***-***
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
b. Vay dài hạn	**151.200.000**	**151.200.000**	**-**	**64.800.000**	**86.400.000**	**86.400.000**
- Từ 01 đến 05 năm	***151.200.000***	***151.200.000***	***-***	***64.800.000***	***86.400.000***	***86.400.000***
+ Vay CBCNV Công ty (*)	151.200.000	151.200.000	-	64.800.000	86.400.000	86.400.000
Cộng	**151.200.000**	**151.200.000**	**2.000.000.000**	**2.064.800.000**	**86.400.000**	**86.400.000**

(*) Các khoản vay cá nhân có thời hạn 05 năm kể từ ngày 10/07/2014, lãi suất bằng lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm. Mục đích của các khoản vay là để sửa chữa nhà hàng của Trung tâm dịch vụ văn hóa Thể thao Đường sắt. Thời hạn trả lãi vay và gốc theo yêu cầu rút gốc của từng cá nhân.

09. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Phải trả người bán ngắn hạn	***13.884.559.926***	***13.884.559.926***	***16.804.198.651***	***16.804.198.651***
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	4.236.260.000	4.236.260.000	-	-
- Công ty Chế biến Lâm sản Nghệ An	2.174.152.393	2.174.152.393	1.787.650.599	1.787.650.599
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	1.571.446.000	1.571.446.000	2.579.710.950	2.579.710.950
- Công ty Cổ phần Công trình 6	1.776.680.000	1.776.680.000	2.652.472.000	2.652.472.000
- Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng	1.071.741.600	1.071.741.600	2.241.760.000	2.241.760.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	4.867.965.305	4.867.965.305
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	3.054.279.933	3.054.279.933	2.674.639.797	2.674.639.797
Cộng	**13.884.559.926**	**13.884.559.926**	**16.804.198.651**	**16.804.198.651**

Đơn vị tính: VND

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	***3.638.701.000***	***3.638.701.000***
- Công ty Cổ phần Công trình 6	-	-	2.652.472.000	2.652.472.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	-	-	986.229.000	986.229.000
Cộng	-	-	**3.638.701.000**	**3.638.701.000**

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	1.696.358.613	8.624.334.073	8.312.063.563	-	2.008.629.123
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	606.011.298	971.842.861	1.014.799.150	-	563.055.009
- Thuế nhu nhập cá nhân	-	92.636.674	248.550.408	126.711.553	-	214.475.529
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	413.731.625	413.731.625	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	77.777.451	77.777.451	-	-
Cộng	**-**	**2.395.006.585**	**10.342.236.418**	**9.951.083.342**	**-**	**2.786.159.661**

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	***105.000.000***	***105.000.000***
- Các khoản trích trước khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	**105.000.000**	**105.000.000**

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	***2.895.018.660***	***5.266.906.974***
- Phải trả về cổ phần hoá	-	698.367.836
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.895.018.660	4.568.539.138
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	*2.693.879.110*	*4.437.291.138*
+ Các đối tượng khác	*201.139.550*	*131.248.000*
b. Dài hạn	***125.258.250***	***1.799.394.660***
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	125.258.250	1.799.394.660
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	*125.258.250*	*1.799.394.660*
Cộng	**3.020.276.910**	**7.066.301.634**

13. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**7.160.247.863**	**7.568.228.828**	-	-	**14.728.476.691**
- Tăng vốn trong năm trước	10.899.752.137	-	-	-	10.899.752.137
- Lãi trong năm trước	-	-	-	3.480.482.401	3.480.482.401
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	(7.568.228.828)	-	-	(7.568.228.828)
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	**18.060.000.000**	-	-	**3.480.482.401**	**21.540.482.401**
Số dư đầu năm nay	**18.060.000.000**	-	-	**3.480.482.401**	**21.540.482.401**
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	2.906.908.030	2.906.908.030
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	-	882.718.000	(3.480.482.401)	(2.597.764.401)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	**18.060.000.000**	-	**882.718.000**	**2.906.908.030**	**21.849.626.030**

Đơn vị tính: VND

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình. Cụ thể như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	882.718.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.030.264.401
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	213.000.000
- Trích cổ tức chi trả	1.354.500.000
Tổng phân phối lợi nhuận	**3.480.482.401**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51%	9.210.600.000	51%
- Các cổ đông khác	8.849.400.000	49%	8.849.400.000	49%
Cộng	**18.060.000.000**	**100%**	**18.060.000.000**	**100%**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.060.000.000	7.160.247.863
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.899.752.137
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*1.354.500.000*	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*1.806.000*	*1.806.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*1.806.000*	*1.806.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.806.000	1.806.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam

Tên vật tư, quy cách	Số cuối năm		
	Đơn vị tính	Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Ray P43 L=12,5 PL	Thanh	318	135.250
Ray P43 PL	m	25	850
Lập lách P43 PL	Bộ	324	4.536
Xương ghi tg 1/10 l=20,21m PL	Bộ	1	4.500
Xương ghi tg 1/10 l=19,997m PL	Bộ	2	8.200
Tâm ghi Tg 1/9 P50 PL	Cái	4	2.160
Bu Lông các loại PL	Cái	34833	10.450
Cóc các loại PL	Cái	33.563	10.069
Đinh Tiaraphong PL	Cái	6.451	1.935
Đinh Cramphong PL	Cái	4.187	1.047
Căn sắt các loại PL	Cái	21.927	8.771
Tà vẹt sắt PL	Thanh	4.079	81.580
Tà vẹt bê tông các loại PL	Thanh	7.300	109.500

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	119.793.205.792	115.541.431.348
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.399.454.887	11.313.087.275
Cộng	**130.192.660.679**	**126.854.518.623**

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	117.555.756.391	115.859.755.265
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	*114.327.590.027*	*112.169.997.991*
+ Công trình sửa chữa định kỳ >500 triệu đồng	*3.228.166.364*	*2.723.197.273*
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	-	*966.560.001*
- Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh	-	516.178.182
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	-	*516.178.182*
- Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	-	924.245.455
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	-	*924.245.455*

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.862.449.886	100.996.177.878
Giá vốn của hoạt động xây dựng	10.356.389.219	9.990.491.021
Cộng	**113.218.839.105**	**110.986.668.899**

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	869.144.744	772.838.687
Cộng	**869.144.744**	**772.838.687**

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	19.429.333	14.871.451
Cộng	**19.429.333**	**14.871.451**

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản thu nhập khác	9.000.000	776.013
Cộng	**9.000.000**	**776.013**

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản phạt	77.777.451	-
- Chi phí cắt giảm công trình	234.876.339	30.147.376
- Các khoản chi phí khác	6.790.000	30.900.000
Cộng	**319.443.790**	**61.047.376**

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	***13.111.757.458***	***11.665.562.283***
- Chi phí nhân viên quản lý	7.489.276.142	7.519.229.939
- Thuế, phí và lệ phí	349.910.297	418.685.216
- Chi phí dự phòng	570.548.000	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.702.023.019	3.727.647.128
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	***522.584.846***	***534.118.469***
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.584.846	534.118.469
Cộng	**13.634.342.304**	**12.199.680.752**

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	863.055.009	885.382.444
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	108.787.852	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**971.842.861**	**885.382.444**

Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.878.750.891	4.365.864.845
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.250.181.066	61.047.376
+ Chi phí không được trừ	*980.463.415*	*61.047.376*
+ Giá vốn tương ứng doanh thu đã tính thuế năm trước	*1.269.717.651*	
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.813.656.911	-
+ Doanh thu đã tính thuế năm trước	*1.746.174.452*	-
+ Chênh lệch do áp dụng thuế suất khác của phần doanh thu đã tính thuế	*67.482.459*	-
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.315.275.046	4.426.912.221
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**863.055.009**	**885.382.444**

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.906.908.030	3.480.482.401
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.906.908.030	3.480.482.401
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	1.243.264.401
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.610**	**1.239**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.906.908.030	3.480.482.401
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.906.908.030	3.480.482.401
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.243.264.401
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.610**	**1.239**

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.514.510.558	36.577.775.764
- Chi phí nhân công	75.487.162.077	65.688.970.884
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.449.310.284	3.674.140.741
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.312.064.982	3.216.542.526
- Chi phí khác bằng tiền	11.996.983.556	11.999.376.280
Cộng	**125.330.579.457**	**121.156.806.195**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.164.186.825	1.717.466.298
Cộng	**2.164.186.825**	**1.717.466.298**

Qũy lương, thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) trong năm:

	Năm nay
- Lương của Chủ tịch HĐQT và thù lao thành viên HĐQT	408.000.000
- Lương của trưởng BKS và thù lao thành viên BKS	250.800.000
Cộng	**658.800.000**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Cùng Công ty mẹ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công trình 6	Công ty mẹ nắm giữ 15,89% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang	Công ty mẹ nắm giữ 44,44% vốn điều lệ

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
- Trả cổ tức	690.795.000	-
- Trả phí quản lý theo tỷ lệ doanh thu		2.019.059.964
- Chi phí thuê nhà cung đường	376.744.659	-
- Thuê máy móc	2.281.704.160	2.406.919.973
- Giảm chi phí quản lý thường xuyên		116.907.700
- Bồi thường vật chất	6.790.000	30.900.000
Công ty Cổ phần Công trình 6		
- Mua vật tư	3.749.280.000	3.029.794.000
- Chi vận chuyển	-	199.726.000
Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên		
- Thi công công trình	172.890.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
- Thuê máy kiểm tra cầu đường sắt	8.844.545	8.193.636
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Thuê máy chèn	-	896.571.818
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn		
- Vận chuyển đá	-	587.250.000
Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang		
- Mua vật tư	907.331.815	1.013.359.088
Trung tâm Y tế Đường sắt		
- Khám sức khỏe định kỳ	133.800.000	118.000.000
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh		
- Mua vật liệu thi công	-	484.872.338

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.09, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
+ Phải thu về cổ phần hóa	-	500.000.000
Công nợ phải thu	**-**	**500.000.000**
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
+ Phải trả về cổ phần hóa	-	698.367.836
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.693.879.110	4.437.291.138
+ Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	125.258.250	1.799.394.660
Công nợ phải trả	**2.819.137.360**	**6.935.053.634**

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ…

- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn đường sắt, dịch vụ nhà hàng, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa, máy bay, ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Xây dựng	Dịch vụ	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.399.454.887	119.793.205.792	130.192.660.679
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	10.288.516.137	115.714.949.861	126.003.465.998
- ***Lợi nhuận từ hoạt động KD***	***110.938.750***	***4.078.255.931***	***4.189.194.681***
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	104.346.087	2.284.081.487	2.388.427.574
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	100.296.704	1.349.013.580	1.449.310.284
Số dư cuối năm nay			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.527.307.973	52.150.881.134	56.678.189.107
- Tài sản không phân bổ			5.355.842.068
Tổng tài sản	**4.527.307.973**	**52.150.881.134**	**62.034.031.175**
- Nợ phải trả bộ phận	3.162.725.962	36.432.013.620	39.594.739.582
- Nợ phải trả không phân bổ			589.665.563
Tổng nợ phải trả	**3.162.725.962**	**36.432.013.620**	**40.184.405.145**

Đơn vị tính: VND

	Xây dựng	Dịch vụ	Cộng
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.313.087.275	115.541.431.348	126.854.518.623
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
- Chi phí phân bổ	10.961.921.397	111.466.461.018	122.428.382.415
- ***Lợi nhuận từ hoạt động KD***	***351.165.878***	***4.074.970.330***	***4.426.136.208***
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn			-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	129.251.791	1.320.058.493	1.449.310.284
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.948.325.911	50.537.633.507	55.485.959.418
- Tài sản không phân bổ			10.336.108.216
Tổng tài sản	**4.948.325.911**	**50.537.633.507**	**65.822.067.634**
- Nợ phải trả bộ phận	3.864.563.947	39.469.089.124	43.333.653.071
- Nợ phải trả không phân bổ			947.932.162
Tổng nợ phải trả	**3.864.563.947**	**39.469.089.124**	**44.281.585.233**

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	13.884.559.926	-		13.884.559.926
Vay và nợ	-	86.400.000	-	86.400.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-		105.000.000
Các khoản phải trả khác	2.895.018.660	125.258.250		3.020.276.910
Cộng	**16.884.578.586**	**211.658.250**	**-**	**17.096.236.836**
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	16.804.198.651	-	-	16.804.198.651
Vay và nợ	-	151.200.000	-	151.200.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	4.568.539.138	1.799.394.660	-	6.367.933.798
Cộng	**21.477.737.789**	**1.950.594.660**	**-**	**23.428.332.449**

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Võ Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Mai Văn Tân

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:4100259405 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH TP.QUY NHƠN-T.BÌNH ĐỊNH

MAI VĂN TÂN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N:4100259405 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH TP.QUY NHƠN-T.BÌNH ĐỊNH

NGUYỄN THÁI LINH